

Số: 1264 /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch  
được bố trí theo vị trí việc làm của Sở Y tế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 1086/BNV-CCVC ngày 05/02/2026 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Y tế theo Tờ trình 1360/TTr-SYT ngày 25/02/2026 về việc đề nghị thẩm định, trình phê duyệt vị trí việc làm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2506/TTr-SNV ngày 09/4/2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm của Sở Y tế, như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm: 66 vị trí, trong đó:

a) Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 10 vị trí;

b) Vị trí việc làm công chức chuyên môn, nghiệp vụ: 53 vị trí;

c) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

*(Chi tiết theo Phụ lục I - Danh mục vị trí việc làm kèm theo).*

2. Tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm: theo Phụ lục II *(đính kèm)*

## **Điều 2. Giám đốc Sở Y tế có trách nhiệm**

1. Trên cơ sở biên chế công chức được cấp thẩm quyền giao, danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, quyết định số lượng biên chế bố trí theo từng vị trí việc làm bảo đảm phù hợp với số lượng, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trong thực tiễn *(riêng đối với bố trí các vị trí lãnh đạo, quản lý được thực hiện quy định có liên quan)*. Theo đó, sắp xếp, bố trí lại công chức theo vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt, bảo đảm trong số lượng biên chế được giao.

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, bố trí lại công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt, phải bảo đảm các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoạt động liên tục, thông suốt.

2. Căn cứ theo tình hình thực tế, thường xuyên rà soát các quy định, điều kiện, tiêu chuẩn, yêu cầu của vị trí việc làm và cập nhật, điều chỉnh Bản mô tả công việc phù hợp theo quy định, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan, đơn vị có sự thay đổi theo các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP thì thực hiện điều chỉnh vị trí việc làm theo quy định.

## **Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm**

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tham mưu, hướng dẫn việc xác định đối tượng giữ các chức danh Phó Giám đốc sở và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để làm căn cứ xem xét, quyết định bố trí ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương phù hợp đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP.

3. Theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các quy định về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

## **Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với trường hợp đang thực hiện các quy trình có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng công chức (điều động, tiếp nhận, bổ nhiệm,...) theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày ban hành

Quyết định này thì tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành thì thực hiện theo Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Sở Y tế tỉnh; Quyết định số 860/QĐ-UBND-HC ngày 19/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, danh mục vị trí việc làm của Sở Y tế tỉnh.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TH, T.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**




---

*Trần Văn Dũng*

**Phụ lục I**  
**Danh mục vị trí việc làm công chức của Sở Y tế**  
*(Kèm theo Quyết định số 1264 /QĐ-UBND ngày 22/ 4 /2026*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Tên đơn vị/Vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Ghi chú
<b>A</b>	<b>LÃNH ĐẠO SỞ Y TẾ</b>		
1.1	Giám đốc Sở	Chuyên viên cao cấp	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên cao cấp/chuyên viên chính	
<b>B</b>	<b>PHÒNG THUỘC CƠ QUAN</b>		
<b>I</b>	<b>Văn phòng Sở</b>		
<b>1.1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Chánh Văn phòng Sở	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Chánh Văn phòng Sở		
<b>1.2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
3	Chuyên viên chính về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	
7	Văn thư viên	Văn thư viên	
8	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	
9	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	
10	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Chuyên viên	
11	Pháp chế viên	Pháp chế viên	
12	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	
13	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	
14	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	
15	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	

16	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	
17	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên	
<b>II</b>	<b>Phòng Tổ chức cán bộ</b>		
<b>2.1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Trưởng phòng Sở	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng Sở		
<b>2.2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
3	Chuyên viên chính về tổ chức - biên chế	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về tổ chức - biên chế	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	Chuyên viên	
7	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính	
8	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	
9	Chuyên viên chính về tổ chức cán bộ	Chuyên viên chính	
10	Chuyên viên về tổ chức cán bộ	Chuyên viên	
<b>III</b>	<b>Phòng Kế hoạch - Tài chính</b>		
<b>3,1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Trưởng phòng Sở	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng Sở		
<b>3,2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
3	Chuyên viên chính về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên	
7	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	
8	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên	
9	Thống kê viên chính	Thống kê viên chính	
10	Thống kê viên	Thống kê viên	

11	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	Theo ngạch tương ứng chức danh	
12	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính	
13	Kế toán viên	Kế toán viên	
14	Chuyên viên về thủ quỹ	Chuyên viên	
<b>IV</b>	<b>Phòng Nghiệp vụ Y</b>		
<b>4,1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Trưởng phòng Sở	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng Sở		
<b>4,2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
3	Chuyên viên chính về quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên	
5	Chuyên viên về bảo hiểm y tế	Chuyên viên	
6	Chuyên viên về bà mẹ, trẻ em	Chuyên viên	
7	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh y học cổ truyền	Chuyên viên	
8	Chuyên viên về phòng bệnh	Chuyên viên	
<b>V</b>	<b>Phòng Nghiệp vụ Dược</b>		
<b>5,1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Trưởng phòng Sở	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng Sở		
<b>5,2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
3	Chuyên viên chính về dược	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về dược	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về dược cổ truyền	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên về dược cổ truyền	Chuyên viên	
<b>VI</b>	<b>Phòng Dân số</b>		
<b>6,1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Trưởng phòng Sở	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng Sở		
<b>6,2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		

3	Chuyên viên chính về dân số	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về dân số	Chuyên viên	
<b>VII</b>	<b>Phòng Bảo trợ xã hội</b>		
<b>7,1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Trưởng phòng Sở	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng Sở		
<b>7,2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
3	Chuyên viên chính về bảo trợ xã hội	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	Chuyên viên	
<b>VIII</b>	<b>Chi cục An toàn thực phẩm</b>		
<b>1</b>	<b>LÃNH ĐẠO CHI CỤC</b>		
1	Chi cục trưởng thuộc Sở	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Chi cục trưởng thuộc Sở		
<b>2</b>	<b>PHÒNG THUỘC CHI CỤC</b>		
<b>2,1</b>	<b>Phòng Nghiệp vụ</b>		
<b>2.1.1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
<b>2.1.2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
3	Chuyên viên chính về an toàn thực phẩm	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về an toàn thực phẩm	Chuyên viên	
5	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính	Chuyên viên	
6	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	Chuyên viên	
7	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	
8	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	
9	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Chuyên viên	
<b>2,2</b>	<b>Phòng Tổ chức - Hành chính</b>		
<b>2.2.1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		

1	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
<b>2.2.2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
3	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	
4	Chuyên viên về tổ chức cán bộ	Chuyên viên	
5	Văn thư viên	Văn thư viên	
6	Chuyên viên về tổ chức - biên chế	Chuyên viên	
7	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	
8	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	
9	Chuyên viên về thủ quỹ	Chuyên viên	
10	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	
11	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên	
15	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	Theo ngạch tương ứng chức danh	
16	Kế toán viên	Kế toán viên	
<b>C</b>	<b>VTVL Hỗ trợ phục vụ</b>		
1	Nhân viên phục vụ		
2	Nhân viên bảo vệ		
3	Nhân viên lái xe		

## Phụ lục II

Tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm của Sở Y tế  
(Kèm theo Quyết định số 1264 /QĐ-UBND ngày 22 / 4 /2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Ngạch công chức tương ứng vị trí việc làm	Chức vụ/Chức danh tương ứng được bố trí	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp	Giám đốc sở và tương đương	100%	
		Phó Giám đốc sở và tương đương	Không quá 50% tổng số cấp phó của người đứng đầu của toàn bộ các cơ quan chuyên môn tỉnh	Đối tượng chức danh giữ ngạch cụ thể theo quy định của cấp có thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP
2	Chuyên viên chính	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phó Giám đốc Sở (số lượng Phó Giám đốc sở còn lại không giữ ngạch tương ứng là chuyên viên cao cấp);</li><li>- Cấp trưởng, cấp phó các tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của Sở;</li><li>- Công chức chuyên môn của Sở được bố trí vào vị trí việc làm chuyên viên chính và tương đương.</li></ul>	Không quá 50% tổng số biên chế công chức được giao	
3	Chuyên viên và tương đương	Công chức chuyên môn của sở được bố trí vào vị trí việc làm chuyên viên và tương đương trở xuống.	Số lượng công chức còn lại	